



# CHÍNH KHÍ CA 正氣歌

Văn Thiên Tường 文天祥

BẢN DỊCH CỦA BÁC SĨ NGUYỄN VĂN THỌ

## LỜI TÒA SOẠN

Đời Nam Tống 南宋 (Trung Hoa), một nghĩa sĩ là Văn Thiên Tường 文天祥 (1236-1282) bị quân Nguyên 元 bắt giam. Ông làm ra bài Chính Khí Ca 正氣歌 này để tán dương cái khí chính đại của các trung thần nghĩa sĩ.

Ở Việt Nam, sau khi thành Hà Nội bị mất về tay người Pháp (năm Nhâm Ngọ, 1882), một nhà thơ ái quốc là Nguyễn Văn Giai (tức Ba Giai) cũng mượn đề mục ấy sáng tác bài ca ngợi quan Tổng Đốc Hoàng Diệu tận tiết. Đó là bài Chính Khí Ca Việt Nam.

Bài Chính Khí Ca Trung Hoa trước kia đã được cụ Phan Bội Châu dịch ra Việt văn để dùng làm lợi khí cổ vũ lòng yêu nước (xem Khổng Học Đăng, từ trang 792). Gần đây lại có bản dịch của ông Nguyễn Hiến Lê (xem Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc, quyển 3, tr. 61-63).

Nhưng người đầu tiên truyền bá tư tưởng Chính Khí ở Việt Nam chính là cụ Nguyễn Đình Chiểu (trong Ngư Tiều Vấn Đáp, từ câu 1350 đến câu 1375). Cụ đã quảng diễn tư tưởng của Văn Thiên Tường bằng tiếng mẹ đẻ: cụ là Văn Thiên Tường Việt Nam vậy.

Nay nhân số đặc biệt kỷ niệm cụ, Văn Đàn xin cống hiến độc giả một bản dịch mới Chính Khí Ca do Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ thực hiện, kèm cả bản phiên âm và nguyên văn chữ Hán của Văn Thiên Tường. Tưởng cũng là một việc làm thích hợp để tỏ lòng kính nhớ anh linh và cảm thông tư tưởng của cụ.

## Tạp chí Văn Đàn

正氣歌 - 文天祥  
 Thiên địa hữu chính khí,  
 天地有正氣  
 Tạp nhiên phú lưu hình,  
 雜然賦流形  
 Hạ tắc vi hà nhạc,

1. Anh hoa chính khí đất trời  
 Khoác hình vật chất khắp nơi vẫy vùng.  
 Tràn mặt đất tuôn sông kết núi,  
 Vút trời mây chói lói trắng sao  
 5. Trần ai lẫn bóng anh hào,  
 Muôn ngàn khí phách rạt rào tầng xanh.  
 Thuở non nước thanh bình khắp chốn,  
 Nét đan thanh chóng lộn bệ rồng.  
 Sơn hà gặp buổi lao lung,  
 10. Càng cao tiết ngọc, càng bưng vẻ son.



Tề Thái Sử mất còn mấy độ,  
 Thê tre kia há sợ gươm ai. [1]  
 Đổng Hồ múa bút mấy hồi,

下則為河嶽  
 Thượng tắc vi nhật tinh.  
 上則為日星  
 ʘ nhân viết hạo nhiên.  
 於人日浩然  
 Phái hồ tắc thương minh;  
 沛乎塞蒼冥  
 Hoàng lộ đương thanh di,  
 皇露當清夷  
 Hàm hòa thổ minh đình;  
 含和吐明庭  
 Thời cùng tiết nãi hiện,  
 時窮節乃見  
 Nhất nhất thùi đan thanh:  
 一一垂丹青  
 Tại Tề Thái Sử giản,  
 在齊太史簡  
 Tại Tấn Đồng Hồ bút;  
 在晉董狐筆  
 Tại Tần Trương Lương chùy,  
 在秦張良椎  
 Tại Hán Tô Vũ tiết.  
 在漢蘇武節  
 Vi Nghiêm tướng quân đầu,  
 為嚴將軍頭  
 Vi Kê Thị Trung huyết,  
 為嵇侍中血  
 Vi Trương Tuy Dương xỉ,  
 為張睢陽齒  
 Vi Nhan Thường Sơn thiệt.  
 為顏常山舌  
 Hoặc vi Liêu Đông mạo,  
 或為遼東帽  
 Thanh tháo lệ băng tuyết,  
 清操厲冰雪  
 Hoặc vi xuất sư biểu,  
 或為出師表  
 Quỷ thần khắp tráng liệt,  
 鬼神泣壯烈  
 Hoặc vi độ giang tiếp,  
 或為渡江楫  
 Kháng khái thôn Hồ Yết.  
 慷慨吞胡羯  
 Hoặc vi kích tặc hốt,

Làm cho Tấn tặc tơi bời ruột gan.<sup>[2]</sup>  
 15. Trương Lương xót nổi Hàn khói lửa,  
 Dùi đồng vung, nghiêng ngửa Tần vương.<sup>[3]</sup>  
 Ngọn cờ Tô Vũ phong sương,  
 Càng băng giá cảnh, càng hương sắc lòng.<sup>[4]</sup>  
 Đầu Nghiêm tướng đường đồng, đường thép,<sup>[5]</sup>  
 20. Máu Kê quân nhuộm hết long bào.<sup>[6]</sup>  
 Trương Tuần răng cứng cát sao,  
 Thành đồng đà nát, lòng đào khôn thay.<sup>[7]</sup>  
 Lưỡi Thường Sơn nào hay lắt léo,<sup>[8]</sup>  
 Mũ Quảng Minh che nẻo Liêu Đông.<sup>[9]</sup>  
 25. Xuất sư biểu ấy hào hùng,  
 Ngọc vàng rộn rã nát lòng thần minh.<sup>[10]</sup>  
 Dòng nước Hiệt lệnh đênh bở ngỡ,  
 Thề cùng sông: «Tan rợ mới về!»<sup>[11]</sup>  
 Hốt ngà có lúc cũng ghê,  
 30. Cho đầu soán chúa ê chề tóc tang.<sup>[12]</sup>  
 Linh khí ấy chứa chan muôn thuở,  
 Rực tràn ai, tỏ mở trăng sao.  
 Khí thiêng đượm máu hùng hào,  
 Phù sinh nhẹ tựa hồng mao sá gì.  
 35. Giây buộc đất nó xe cho vững,  
 Cột chống trời nó dựng cho cao.  
 Cương thường đạo nghĩa trước sau,  
 Mỗi giường then chốt quán thâu một mình.  
 ✻  
 Ta lỡ bước điều linh tù túng,  
 40. Vì ba quân lấp lửng ươn hèn.  
 Thân tù dạ lỏng khóa then,  
 Một xe đầy ải, băng miền heo may.  
 Đời luân lạc tỉnh say mấy độ,  
 Vạc dầu sôi mà ngó như sương.  
 45. Ngục tù khóa kín ánh dương,  
 Phòng giam trời vắng tối đường than tro.  
 Long câu giữa trâu bò len lỏi,  
 Phượng hoàng kia phận gửi đàn gà.<sup>[13]</sup>

或為擊賊笏  
 Nghịch thụ đầu phá liệt.  
 逆豎頭破裂  
 Thị khí sở bàng bạc,  
 是氣所磅礴  
 Lẫm liệt vạn cổ tồn.  
 凜冽萬古存  
 Dương kỳ quán nhật nguyệt,  
 當其貫日月  
 Sinh tử an túc luận.  
 生死安足論  
 Địa duy lại dĩ lập,  
 地維賴以立  
 Thiên trụ lại dĩ tôn.  
 天柱賴以尊  
 Tam cương thực hệ mệnh,  
 三綱實繫命  
 Đạo nghĩa vi chi căn.  
 道義為之根  
 Ta ! Dư cấu dương cửu,  
 嗟予遘陽九  
 Lê dã thực bất lực;  
 隸也實不力  
 Sở tù anh kỳ quán.  
 所囚纓其冠  
 Truyền xa tống cùng bắc,  
 傳車送窮北  
 Đĩnh hoạch cam như di,  
 鼎鑊甘如飴  
 Cầu chi bất khả đắc;  
 求之不可得  
 Âm phòng khuých quỷ hỏa,  
 陰房闐鬼火  
 Xuân viện bí thiên hắc,  
 春院闕天黑  
 Ngưu ký đồng nhất tạo,  
 牛驥同一皂  
 Kê kê phụng hoàng thực;  
 雞栖鳳凰食  
 Nhất triều mông vụ lộ,  
 一朝蒙霧露  
 Phận tác câu trung tích,  
 分作溝中瘠  
 Như thử tái hàn thử,  
 如土再汗土,

Một mai gió lạnh sương mờ,  
 50. Mấy hồi run rét, xác xơ thân tàn.  
 Cây tuế nguyệt thối tan chướng khí,  
 Nhờ dương quang đượm vẻ an khương.  
 Nhớ như là chốn tù trường,  
 Mà ta khinh khoát coi đường Bồng Lai.  
 55. Ta vốn chẳng có tài phép lớn,  
 Nhưng trần ai khôn bặt lòng ta.  
 Lòng ta Chính Khí chói lòa,  
 Âm dương điên đảo khôn mờ tắc son.  
 ❀  
 Trời lồng lộng mây tuôn sóng bạc,  
 60. Động lòng sầu man mác trời mây.  
 Biển trời bát ngát chơi vơi,  
 Con thuyền dĩ vãng, bóng người xa xưa.  
 Người xưa quá, tinh hoa vẫn đó,  
 Tinh hoa còn rạn vỡ từ mây.  
 Đạo xưa vàng sáng đầu đây,  
 Linh lung vàng sáng tỏa đầy dung quang.

❀ **Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ dịch**

如此再寒暑  
 Bách lệ tự tịch dịch.  
 百沴自辟易  
 Ai tai ! Tự như trường,  
 哀哉沮洳場  
 Vi ngã an lạc quốc;  
 為我安樂國  
 Khởi hữu tha mậu xảo,  
 豈有他繆巧  
 Âm dương bất năng tặc;  
 陰陽不能賊  
 Cổ thử cảnh cảnh tại.  
 顧此耿耿在  
 Ngưỡng thị phù vân bạch,  
 仰視浮雲白  
 Du du ngã tâm ưu,  
 悠悠我心憂  
 Thương thiên hạp hữu cực,  
 蒼天曷有極  
 Triết nhân nhật dĩ viễn,  
 哲人日已遠  
 Điển hình tại túc tích;  
 典刑在夙昔  
 Phong thiềm triển thư độc,  
 風簷展書讀  
 Cổ đạo chiếu nhan sắc.  
 古道照顏色



## Chú Thích

- [1] Thôi Tử là Tế tướng nước Tề giết vua, quan Thái sử cứ chép việc thật, không sợ oai quyền.
- [2] Triệu Thuần là Tế tướng nhà Tần giết vua, Đồng Hồ cũng theo sự thật chép vào trong sử.

- [3] Trương Lương muốn báo thù cho vua nước Hàn, một mình mang dùi lén đánh vua Thủy Hoàng nhà Tần.
- [4] Tô Vũ đòi nhà Hán đi sứ bên Hung Nô, không chịu đầu hàng, bị giam 19 năm.
- [5] Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có anh tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.
- [6] Vua Hoài Đế nhà Tấn bị giặc đuổi, quan thị trung Kế Thiệu đưa mình che tên cho vua, bị bắn chết, rảy máu lên áo vua.
- [7] Đòi nhà Đường, An Lộc Sơn làm phản, Trương Tuần khởi quân đánh giặc, nhưng thua trận và bị bắt. Trương Tuần mắng giặc luôn miệng, bị giặc bẻ hết hai cái răng.
- [8] Nhan Kiêu Khanh bị giặc bắt, mắng chửi luôn miệng, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi.
- [9] Quảng Minh đòi nhà Hán được vua mời ra làm quan nhưng ông không chịu ra, mà cứ ở mãi xứ Liêu Đông 30 năm, chỉ đội cái nón lá và mặc vải bố.
- [10] Khổng Minh dâng tờ biểu cho vua đi đánh nước Ngụy.
- [11] Tổ Địch dẫn quân đi đánh giặc. Lúc sang sông được rồi thì bẻ quách mái chèo mà rằng: Nếu không dẹp xong giặc thì không thể về mà sang sông này nữa.
- [12] Đoàn Tú Thục giận Châu Xế chiếm ngôi vua, bèn cầm cây đánh vào đầu Xế, máu ra lai láng.
- [13] Lúc bị giam chung trong ngục, ông Văn Thiên Tường cùng bốn lính tráng ăn chung nằm lộn với nhau. Các chú thích này đều mượn nơi bản dịch Chính Khí Ca của Phan Bội Châu, in trong Khổng Học Đăng của cụ, quyển 2, tr. 792.